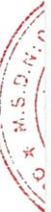




RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34

123
CC
KH
KI
17

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Trương Minh Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 15.142/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





RSM DTL Auditing

Connected for Success

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.152.736.267	138.052.832.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	140.920.449.173	42.537.241.656
1. Tiền	111		33.866.957.942	31.662.396.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.053.491.231	10.874.845.649
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		900.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	98.870.389.588	91.490.286.105
1. Phải thu khách hàng	131		82.868.705.306	65.124.596.541
2. Trả trước cho người bán	132		10.419.253.397	20.040.535.289
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.935.909.116	8.678.632.506
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.461.897.506	4.025.304.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		130.027.303	168.375.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.792.236	52.070.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	4.297.077.967	3.804.857.541

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.872.056.196	80.785.278.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		9.261.277.874	11.843.981.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	9.261.277.874	11.843.981.719
+ Nguyên giá	222		31.834.436.287	31.736.334.228
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.573.158.413)	(19.892.352.509)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	53.045.342.485	68.307.630.621
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		52.319.192.485	67.581.480.621
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		565.435.837	633.666.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		119.891.837	195.522.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		445.544.000	438.144.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.024.792.463	218.838.110.746

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.733.859.934	64.053.908.346
I. Nợ ngắn hạn	310		133.520.716.934	63.817.141.986
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	28.039.005.778	34.362.623.541
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	50.289.916.848	11.393.171.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	10.127.741.221	2.535.567.282
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	7.308.757.600	7.517.966.925
6. Chi phí phải trả	316		1.343.334.200	4.185.652.107
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.9)	34.773.619.860	1.795.214.984
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.10)	1.638.341.427	2.026.945.703
II. Nợ dài hạn	330		213.143.000	236.766.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		213.143.000	236.766.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.290.932.529	154.784.202.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.11.1)	174.290.932.529	154.784.202.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.955.270.400	5.203.566.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.000.000.000	5.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			(197.133.529)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.306.704	16.630.843
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			2.147.000.708
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			120.614.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		346.747.302	1.516.020.327
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.11.4)	72.980.608.123	50.977.503.563
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		960.305,95	1.315.705,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		668.370.861.506	582.954.446.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	668.370.861.506	582.954.446.546
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	639.160.413.854	555.218.383.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.210.447.652	27.736.063.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	8.294.601.434	11.372.276.897
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	7.461.782.318	10.260.395.183
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	13.214.188.459	12.548.146.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.829.078.309	16.299.798.143
11. Thu nhập khác	31		396.818.182	454.545.455
12. Chi phí khác	32		311.503.201	172.393.768
13. Lợi nhuận khác	40		85.314.981	282.151.687
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		45.010.626.160	14.380.524.977
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		61.925.019.450	30.962.474.807
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.6)	11.752.194.237	4.443.304.282
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		50.172.825.213	26.519.170.525
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		50.172.825.213	26.519.170.525
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.11.3)	5.575	2.947

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.925.019.450	30.962.474.807
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.144.870.622	3.167.972.632
Các khoản dự phòng	03			109.156.510
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(392.096.087)	(1.262.287.228)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.390.741.776)	(15.679.491.492)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.287.052.209	17.297.825.229
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.980.046.252)	(22.493.486.438)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		62.161.510.286	10.661.902.107
Tăng giảm chi phí trả trước	12		113.979.041	696.146.910
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.538.116.314)	(3.247.552.018)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		294.367.000	153.776.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.780.994.636)	(4.103.904.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.557.751.334	(1.035.293.062)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(851.534.909)	(1.610.732.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		395.454.546	450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(900.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			620.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(8.011.889.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.560.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.366.020.835	11.086.958.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		51.569.940.472	2.534.336.982

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.000.000.000)	(13.146.122.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.000.000.000)	(13.146.122.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		98.127.691.806	(11.647.078.080)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.537.241.656	52.804.286.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		255.515.711	1.380.033.256
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		140.920.449.173	42.537.241.656

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 353 (31/12/2013: 347 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.4. Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%
2.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
3.	Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
4.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	49,00%
5.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%
6.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyệt Hải, TP. Lào Cai	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - "Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất" để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Tập đoàn hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận tải quốc tế	0%
+ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.756.290.340	2.525.317.279
Tiền gửi ngân hàng	30.110.667.602	29.137.078.728
Các khoản tương đương tiền	107.053.491.231	10.874.845.649
Tổng cộng	140.920.449.173	42.537.241.656

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	82.868.705.306	65.124.596.541
Trả trước cho người bán	10.419.253.397	20.040.535.289
Các khoản phải thu khác	7.935.909.116	8.678.632.506
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	101.223.867.819	93.843.764.336
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	98.870.389.588	91.490.286.105

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	966.122.000
Khác	539.553.036	316.154.426
Cộng	7.935.909.116	8.678.632.506

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là khoản tạm ứng cho nhân viên để làm hàng.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.668.890.673	20.903.498.884	1.110.970.865	31.736.334.228
Mua trong năm	-	-	670.363.636	181.171.273	851.534.909
Tăng khác	-	-	5.365.000	4.130.340	9.495.340
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(762.928.190)	-	(762.928.190)
Số dư cuối năm	<u>8.052.973.806</u>	<u>1.668.890.673</u>	<u>20.816.299.330</u>	<u>1.296.272.478</u>	<u>31.834.436.287</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.347.612.106	902.011.451	11.981.767.746	660.961.206	19.892.352.509
Khấu hao trong năm	572.796.808	203.455.728	2.108.441.050	260.177.036	3.144.870.622
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(464.064.718)	-	(464.064.718)
Số dư cuối năm	<u>6.920.408.914</u>	<u>1.105.467.179</u>	<u>13.626.144.078</u>	<u>921.138.242</u>	<u>22.573.158.413</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.705.361.700	766.879.222	8.921.731.138	450.009.659	11.843.981.719
Tại ngày cuối năm	<u>1.132.564.892</u>	<u>563.423.494</u>	<u>7.190.155.252</u>	<u>375.134.236</u>	<u>9.261.277.874</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.741.590.941 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	25.117.088.447	47.896.297.770
Đầu tư vào công ty liên doanh	27.202.104.038	19.685.182.851
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	<u>53.045.342.485</u>	<u>68.307.630.621</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>53.045.342.485</u>	<u>68.307.630.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

VND

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	6.896.499.447
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	18.220.589.000	18.220.589.000
Tổng cộng		22.612.589.000	25.117.088.447

Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ khoản vốn góp tại Công ty liên kết VNT Logistics.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

VND

	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	8.427.473.589
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	6.886.825.665
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	9.464.798.949
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	2.423.005.835
Tổng cộng		13.867.521.802	27.202.104.038

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Tổng cộng		726.150.000		726.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	28.039.005.778	34.362.623.541
Người mua trả tiền trước	<u>50.289.916.848</u>	<u>11.393.171.444</u>
Tổng cộng	<u>78.328.922.626</u>	<u>45.755.794.985</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Công nợ đại lý nước ngoài	13.124.950.615	10.822.232.147
Doanh thu nhận trước	36.000.000.000	-
Các khoản khác	<u>1.164.966.233</u>	<u>570.939.297</u>
Tổng cộng	<u>50.289.916.848</u>	<u>11.393.171.444</u>

Doanh thu nhận trước là khoản lợi nhuận khoán gọn trước thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội trả trước cho Tập đoàn theo hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 giữa hai bên - xem thêm mục 10.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	840.240.647	615.365.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.871.727.530	1.665.310.948
Thuế thu nhập cá nhân	101.695.767	95.068.217
Các loại thuế khác	<u>314.077.277</u>	<u>159.822.387</u>
Tổng cộng	<u>10.127.741.221</u>	<u>2.535.567.282</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.9. Phải trả, phải nộp ngắn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức	353.878.000	-
Tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>1.619.741.860</u>	<u>1.795.214.984</u>
Tổng cộng	<u>34.773.619.860</u>	<u>1.795.214.984</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội phải trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

5.10. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.026.945.703	2.580.538.623
Trích lập trong năm	4.067.000.000	2.729.408.000
Sử dụng trong năm	<u>(4.455.604.276)</u>	<u>(3.283.000.920)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.638.341.427</u>	<u>2.026.945.703</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

.11. Vốn chủ sở hữu**.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000	4.950	4.000	-	-	-	-	-	34.713	133.663
Ợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	26.519	26.519
Ợi ích liên doanh, liên kết đầu năm hạn bổ	-	253	1.000	(197)	17	2.147	120	1.516	11.053	15.909
hĩa cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.500)	(13.500)
iảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.807)	(7.807)
ố dư đầu năm nay	90.000	5.203	5.000	(197)	17	2.147	120	1.516	50.978	154.784
Ợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	50.172	50.172
Ợi ích liên doanh, liên kết phân bổ	-	(248)	-	197	(17)	(2.147)	(120)	(1.168)	(5.092)	(8.595)
ăng khác	-	-	-	-	8	-	-	-	-	8
hĩa cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.000)	(18.000)
rích lập quỹ	-	-	1000	-	-	-	-	-	(5.067)	(4.067)
iảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(11)	(11)
ố dư cuối năm	90.000	4.955	6.000	-	8	-	-	348	72.980	174.291

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.11.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.11.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
VND		
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	50.172.825.213	26.519.170.525
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.575	2.947

5.11.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
VND		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	50.977.503.563	34.713.256.681
Lợi nhuận sau thuế trong năm	50.172.825.213	26.519.170.525
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ theo PP vốn chủ sở hữu	(5.091.804.242)	11.052.389.209
Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.600.000.000)	(2.313.929.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(467.000.000)	(415.479.000)
Khác	(10.916.411)	(4.077.904.852)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	72.980.608.123	50.977.503.563

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phòng hàng không	141.012.987.685	134.777.996.229
Doanh thu phòng đường biển	91.750.825.563	90.883.900.165
Doanh thu phòng logistics	64.509.967.270	58.388.089.178
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	316.278.881.613	252.914.211.286
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	52.450.024.609	45.160.018.649
Doanh thu tại Công ty con	2.368.174.766	830.231.039
Doanh thu thuần	668.370.861.506	582.954.446.546

6.2. Giá vốn hàng bán

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	134.304.848.298	126.957.059.253
Giá vốn phòng đường biển	83.267.513.216	85.235.588.375
Giá vốn phòng logistics	55.648.053.155	47.956.547.559
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	312.639.235.441	248.764.030.031
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	51.458.239.106	44.462.286.995
Giá vốn dịch vụ tại Công ty con	1.842.524.638	1.842.871.079
Tổng cộng	639.160.413.854	555.218.383.292

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	680.000.430
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.991.748.583	10.322.478.160
Lãi tiền gửi ngân hàng	302.852.851	338.660.522
Khác	-	31.137.785
Tổng cộng	8.294.601.434	11.372.276.897

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.573.724.361	5.680.358.489
Chi phí vật liệu	661.844.755	647.897.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.620.565	249.274.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	468.902.833	571.739.464
Thuế, phí và lệ phí	27.438.344	196.127.183
Chi phí dự phòng	-	109.156.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.174.227.876	3.864.236.061
Chi phí quản lý khác	1.061.429.725	1.229.357.525
Tổng cộng	13.214.188.459	12.548.146.825

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	61.925.019.450	30.962.474.807
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia	202.484.420	-
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.591.428.323	7.948.492.909
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	8.578.788.594	6.686.333.102
- Chi phí hoa hồng vượt mức khống chế	-	1.262.159.807
- Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế	12.639.729	-
Cộng thu nhập từ bán cổ phần trong Công ty liên kết theo báo cáo riêng	30.360.000.000	-
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(680.000.430)
Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(45.010.626.160)	(14.380.524.977)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác	(612.597.490)	(1.785.123.775)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22%	(30.916.201.172)	-
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	(654.649.325)
Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm	127.610.671	(202.484.421)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	24.667.118.042	21.208.184.788
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.933.423.608	4.241.636.958
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	6.801.564.258	163.662.331
Chi phí thuế TNDN trong năm	11.734.987.866	4.405.299.289
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước	18.603.635	-
Trừ chi phí thuế công ty con đã nộp ở Campuchia	(44.546.572)	-
Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con	43.149.308	38.004.993

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

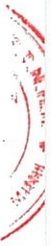
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế là các khoản mục không được khấu trừ khi tính thuế theo quy định của luật thuế TNDN như các khoản điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế,....

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản mục tiền, phải thu khách hàng.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	44.753.142.146	40.853.041.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.144.870.622	3.167.972.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.554.743.117	442.235.978.851
Chi phí khác bằng tiền	<u>111.921.846.428</u>	<u>91.942.326.404</u>
Tổng cộng	<u>652.374.602.313</u>	<u>578.199.319.068</u>

(Phần tiếp theo ở trang 29)



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
Tài sản của bộ phận	264.579	162.312	49.743	41.771	29.892	25.396	(36.189)	(10.641)	308.025	218.838
Tổng tài sản hợp nhất	264.579	162.312	49.743	41.771	29.892	25.396	(36.189)	(10.641)	308.025	218.838
Nợ phải trả của bộ phận	111.359	30.191	45.537	37.966	13.027	6.538	(36.189)	(10.641)	133.734	64.054
Tổng nợ phải trả hợp nhất	111.359	30.191	45.537	37.966	13.027	6.538	(36.189)	(10.641)	133.734	64.054

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
Chi phí mua sắm tài sản	91	819	749	122	11	670	-	-	851	1.611
Chi phí khấu hao	2.229	2.260	257	146	659	762	-	-	3.145	3.168

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào công ty liên kết	-	8.011.889.000
Bán vốn góp đầu tư vào công ty liên kết	43.560.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.882.756.764	2.426.470.007
Sử dụng dịch vụ	2.339.624.480	2.175.004.492

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	331.500.000	294.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	1.870.455.358	2.088.113.430
Tổng cộng	2.201.955.358	2.382.113.430

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.920.449.173	42.537.241.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.515.227.075	63.737.240.310
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	445.544.000	438.144.000
Tổng cộng	223.507.370.248	107.438.775.966
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	28.392.883.778	35.911.396.349
Chi phí phải trả	1.343.334.200	4.185.652.107
Phải trả dài hạn khác	213.143.000	236.766.360
Tổng cộng	29.949.360.978	40.333.814.816

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	613.237,57	592.743,06	1.977.843,90	1.678.228,80

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

				VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả khác	28.392.883.778	-	28.392.883.778	
Chi phí phải trả	1.343.334.200	-	1.343.334.200	
Phải trả dài hạn khác	-	213.143.000	213.143.000	
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả khác	35.911.396.349	-	35.911.396.349	
Chi phí phải trả	4.185.652.107	-	4.185.652.107	
Phải trả dài hạn khác	-	236.766.360	236.766.360	

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.515.227.075	-	80.515.227.075
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	445.544.000	445.544.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.737.240.310	-	63.737.240.310
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	438.144.000	438.144.000

10. THUYẾT MINH KHÁC

Trong năm, Tập đoàn có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Tập đoàn sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

